



Biên lãi suất (chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi) là một trong những yếu tố được quan tâm trên thị trường tài chính, đặc biệt trong hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại. Có nhiều yếu tố tác động đến biên lãi suất của hệ thống ngân hàng thương mại bao gồm nhóm yếu tố vĩ mô, nhóm yếu tố ngành và nhóm yếu tố thuộc về đặc điểm của từng ngân hàng thương mại như rủi ro. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng dữ liệu giai đoạn 1999 - 2011 của 7 nước Đông Nam Á bao gồm Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Phillipine, Thái Lan và Việt Nam từ ADB và Worldbank để xem xét các yếu tố tác động đến biên lãi suất, qua mô hình ước lượng dữ liệu bảng không cân bằng.

1. Giới thiệu

Từ khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, nền kinh tế thế giới đã trải qua nhiều giai đoạn khó khăn và biến động, trong đó hệ thống ngân hàng đối mặt với nhiều chỉ trích về hiệu quả hoạt động và các hành vi đầy rủi ro của mình (Blundell-Wignall, Atkinson, & Lee, 2008; Ivashina & Scharfstein, 2010). Hoạt động

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BIÊN LÃI SUẤT CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI: NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

ThS. Nguyễn Phúc Cảnh và Lê Tiến Hữu *

của hệ thống ngân hàng tập trung chủ yếu vào hai hoạt động chính là huy động vốn và cấp tín dụng, trong đó lãi suất chính là nhân tố quan trọng nhất trong quyết định gửi tiền hay đi vay của người dân (Gambacorta & Mistrulli, 2014; Saunders & Schumacher, 2000).

Hầu hết các nghiên cứu về các yếu tố tác động đến chênh lệch lãi suất được thực hiện ở các quốc gia phát triển với bộ dữ liệu đầy đủ về lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi và các yếu tố khác trong nền kinh tế (Hainz, Horváth, & Hlavá ek, 2014; Ruthenberg & Elias, 1996). Các nghiên cứu thực nghiệm, trong đó xem xét hệ thống ngân hàng chính là trung gian tài chính quan trọng trong việc chu chuyển vốn cho nền kinh tế thì cho rằng chênh lệch lãi suất xuất phát từ chính cân bằng của cung và cầu vốn trên thị trường (Ho & Saunders, 1981).

Có nhiều yếu tố khác nhau ảnh

hưởng đến biên lãi suất (NIM - chênh lệch lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi) của hệ thống ngân hàng như các yếu tố vĩ mô, yếu tố ngành, và yếu tố vi mô liên quan đến từng ngân hàng thương mại, nhiều nghiên cứu cố gắng tìm kiếm bằng chứng và xác định tác động của nhiều yếu tố đến biên lãi suất của hệ thống ngân hàng thương mại tại nhiều quốc gia và khu vực khác nhau (Allen, 1988; Almarzoqi & Naceur, 2015; Angbazo, 1997; Carbó Valverde & Rodríguez Fernández, 2007; Claeys & Vander Vennet, 2008; Gelos, 2006).

Khu vực ASEAN với hầu hết là các nước đang phát triển, hệ thống ngân hàng thương mại vẫn đóng vai trò quan trọng chu chuyển vốn cho nền kinh tế (Lerohim, Affandi, Mahmood, & Mansor, 2014; Pradhan, Arvin, Hall, & Bahmani, 2014; Tu, Loi, & Yen, 2015). Do đó, nghiên cứu các nhân tố tác động đến biên

* Khoa ngân hàng -
Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM



Chuyên mục này do Ngân hàng Thương mại cổ phần
Quân đội tài trợ

lãi suất của hệ thống ngân hàng thương mại cần thiết cho cả học thuật lẫn chính phủ trong đề ra chính sách vĩ mô quản lý hệ thống tài chính. Do đó, nghiên cứu này sử dụng dữ liệu của 7 quốc gia Đông Nam Á để đo lường tác động của các yếu tố đến biên lãi suất của hệ thống ngân hàng thương mại trong giai đoạn 1999 - 2011.

Các nghiên cứu trước đây thường tập trung nghiên cứu các yếu tố tác động đến lợi nhuận và biên lợi nhuận của ngân hàng, tuy nhiên, có hai cách chọn mẫu đó là nghiên cứu hệ thống ngân hàng của một quốc gia trong giai đoạn cụ thể hoặc nghiên cứu hệ thống ngân hàng của một nhóm nhiều quốc gia trong một giai đoạn cụ thể. Mặc dù vậy, các nhân tố tác động được theo dõi vẫn thường giống nhau, đó là đặc điểm của ngân hàng, cấu trúc ngành ngân hàng và môi trường kinh tế vĩ mô (Almarzoqi & Naceur, 2015; Entrop, Memmel, Ruprecht, & Wilkens, 2015; Fungá ová & Poghosyan, 2011; Tarus, Chekol, & Mutwol, 2012).

Với các yếu tố liên quan đến đặc điểm của ngân hàng, các nghiên cứu cho thấy nhiều yếu tố như quy mô, rủi ro và vốn của ngân hàng. Những nghiên cứu đầu tiên như của T. Gilligan, Smirlock, và Marshall (1984), T. W. Gilligan và Smirlock (1984), sau đó là nhiều nghiên cứu khác sau này xác định có mối quan hệ giữa quy mô của ngân hàng với khả năng sinh lợi của ngân hàng đó (Abdullah, Parvez, & Ayreen, 2014). Trong đó, hầu hết các

nghiên cứu chỉ ra rằng khi quy mô ngân hàng tăng lên sẽ giúp các ngân hàng này tiết kiệm được các khoản chi phí nhất định do hiệu quả theo quy mô nên có khả năng đưa ra các mức lãi suất có tính cạnh tranh hơn nên biên lãi suất sẽ giảm (Guru, Staunton, & Balashanmugam, 2002). Tuy nhiên, khi quy mô của ngân hàng tăng lên đồng thời với sức mạnh thị trường lớn hơn nên các ngân hàng thương mại cũng có khả năng đưa ra các mức lãi suất theo chiến lược của mình để tìm kiếm lợi nhuận cao hơn, do đó, biên lãi suất có thể cao hơn (Goddard, Molyneux, & Wilson, 2004; Molyneux & Thornton, 1992).

Tiếp đến, rủi ro của ngân hàng cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong xác định biên lãi suất của ngân hàng thương mại. Bởi vì rủi ro không chỉ ảnh hưởng đến lợi nhuận mà còn ảnh hưởng đến khả năng tồn tại của các ngân hàng thương mại cho nên các ngân hàng luôn xem xét rủi ro trong việc ra quyết định tín dụng và lãi suất cho vay, trong khi đó, rủi ro lại ảnh hưởng đến khả năng huy động cũng như nhu cầu huy động vốn của ngân hàng thương mại nên ảnh hưởng đến lãi suất huy động (Miller & Noulas, 1997; Molyneux & Thornton, 1992). Trong đó chỉ tiêu được sử dụng phổ biến để đo lường rủi ro tổng thể của một doanh nghiệp cũng như một ngân hàng là chỉ số Altman Z - score được phát triển bởi giáo sư Altman (Altman, 1984, 2000), trong khi đó, để đo lường rủi ro

tín dụng, một trong những rủi ro quan trọng nhất trong hoạt động của ngân hàng thương mại thì chỉ tiêu nợ quá hạn được sử dụng để đại diện.

Bên cạnh các đặc điểm liên quan đến ngân hàng thương mại, các đặc điểm liên quan đến ngành cũng là yếu tố quan trọng trong xác định biên lãi suất, trong đó quy mô của ngành ngân hàng trong nền kinh tế càng lớn và mức độ cạnh tranh của thị trường càng lớn thì biên lãi suất càng nhỏ. Cụ thể tại các nước đang phát triển, vì quy mô ngành ngân hàng còn nhỏ trong khi nhu cầu thị trường lớn, ngành ngân hàng lại có sự cạnh tranh thấp do mức độ tập trung cao ở một số nhỏ các ngân hàng lớn nên biên lãi suất của ngân hàng lớn hơn do các ngân hàng có nhiều sức mạnh thị trường hơn để đưa ra mức biên lãi suất có lợi cho mình (Demerguc-Kunt & Huizinga, 2001). Chỉ tiêu thường được sử dụng để đo lường tính cạnh tranh trên thị trường là chỉ số HHI (Herfindahl-Hirschman Index), chỉ tiêu đo lường mức độ cạnh tranh của thị trường, chỉ số này càng nhỏ chứng tỏ tính cạnh tranh càng cao.

Ngoài các yếu tố liên quan đến đặc điểm ngân hàng, tính cạnh tranh trong ngành thì các yếu tố vĩ mô cũng có vai trò quan trọng tác động đến biên lãi suất của thị trường (Afanasieff, Lhacer, & Nakane, 2002). Những nghiên cứu xem xét rộng hơn ra cả nền kinh tế thì phát hiện thấy rằng các yếu tố vĩ mô cũng có tác động quan trọng đến chênh

lệch lãi suất (Demirgüç-Kunt & Huizinga, 1999). Cụ thể, khi các quốc gia chuyển đổi nền kinh tế sang nền kinh tế thị trường càng mạnh, chênh lệch lãi suất càng thấp (Drakos, 2003), hay trong giai đoạn khủng hoảng thì các yếu tố vĩ mô liên quan đến hệ thống ngân hàng càng có ít ý nghĩa trong giải thích sự thay đổi trong chênh lệch lãi suất thị trường so với các yếu tố vĩ mô của toàn bộ nền kinh tế (Dumitrică & Ridzak, 2012).

Theo lý thuyết truyền thống, lạm phát gia tăng sẽ dẫn đến việc người đi vay muốn vay nợ nhiều hơn do lãi suất thực thấp đi, trong khi người cho vay lại đòi hỏi mức lãi suất cao hơn để bù lại phần gia tăng trong lạm phát cho nên chênh lệch lãi suất sẽ cao hơn. Xem xét trên toàn bộ nền kinh tế, tăng trưởng kinh tế giúp kích thích đầu tư bao gồm cả đầu tư trong nước và dòng vốn đầu tư nước ngoài (Almfraji, Almsafir, & Yao, 2014; Donovan & Batabyal, 2015; Ouyang & Fu, 2012; Tekin, 2012; Zhang et al., 2013). Đầu tư chính là một trong những thành phần hình thành cầu vốn trong nền kinh tế, đầu tư càng cao cầu vốn càng lớn bởi lẽ vốn chính là một trong những thành tố quan trọng trong hàm sản xuất của nền kinh tế (Muro, 2013; Pavelescu, 2014; Vilcu, 2011; Yuan, Liu, & Wu, 2009). Như vậy, tăng trưởng kinh tế cao sẽ dẫn đến nhu cầu đầu tư cao hơn và cầu vốn cao hơn, vì vậy, thị trường sẽ đòi hỏi lãi suất cao hơn cả cho vay lẫn tiền gửi cho nên chênh lệch lãi suất có

thể tăng hoặc giảm. Tuy nhiên, khi nền kinh tế càng phát triển sẽ dẫn đến sự phát triển trong thị trường vốn cả về tính hiệu quả của thị trường (Arestis & Demetriades, 1997; De Gregorio & Guidotti, 1995; Levine, 1997), khi thị trường tài chính càng phát triển, tính cạnh tranh sẽ cao hơn, đồng thời các rào cản trên thị trường giảm xuống, do đó, chênh lệch lãi suất sẽ giảm. Như vậy, tác động của tăng trưởng kinh tế lên chênh lệch lãi suất có thể là dương hoặc âm tùy theo mức độ tác động của tăng trưởng kinh tế lên cầu vốn và tính hiệu quả của thị trường tài chính.

Như vậy, có nhiều yếu tố bao gồm cả các yếu tố liên quan đến ngân hàng thương mại, ngành ngân hàng và các điều kiện vĩ mô tác động đến biên lãi suất của ngân hàng thương mại. Phần tiếp theo của bài viết trình bày mô hình sử dụng để nghiên cứu cho hệ thống các ngân hàng thương mại tại các quốc gia Đông Nam Á.

2. Mô hình và dữ liệu nghiên cứu

2.1. Mô hình nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, để xác định các yếu tố tác động đến biên lãi suất của ngân hàng, chúng tôi sử dụng mô hình trong nghiên cứu của Jamaludin, Klyuev, và Serechetapongse (2015) có dạng:

$$\text{Spread}_{it} = a_0 + a_1 X_{it-1} + e_{it} \quad (1)$$

Trong đó: Spread_{it} là biên lãi suất của hệ thống ngân hàng được đo lường thông qua hai biến: chênh lệch lãi suất cho vay bình quân và lãi suất tiền gửi

bình quân (Lenddepositspread) và chênh lệch thu nhập từ cho vay và chi phí trả lãi tiền gửi trên tổng tài sản của ngân hàng (Netinterestmargin) cho quốc gia i năm t ; X_{it-1} là véc tơ các biến đại diện cho yếu tố vĩ mô (bao gồm lạm phát (inflation), tăng trưởng kinh tế (bao gồm tăng trưởng GDP thực (gdpgrowth)), logarith GDP bình quân đầu người thực (loggdppc) và logarith GDP thực (loggdp); yếu tố ngành ngân hàng (bao gồm mức độ cạnh tranh trong ngành ngân hàng (bankcon) và sự tham gia của các ngân hàng nước ngoài trên thị trường (foreignbank)); cuối cùng là chỉ số Bank Z - score đại diện cho rủi ro của ngân hàng (bankzscore), tất cả các biến thuộc X đều lấy độ trễ 1 vì tác động của các yếu tố có tính trễ đến biên lãi suất của ngân hàng thương mại; e là phần dư.

Tiếp theo đó, chúng tôi còn ước lượng hàm số của lãi suất cho vay bình quân theo mô hình:

$$\text{Lend}_{it} = b_0 + b_1 \text{Deposit}_{it} + b_2 X_{it-1} + u_{it} \quad (2)$$

Trong đó: Lend_{it} là lãi suất cho vay bình quân của quốc gia i năm t ; Deposit_{it} là lãi suất tiền gửi bình quân của quốc gia i năm t , u là phần dư. Ký hiệu các biến và nguồn thu thập dữ liệu được trình bày ở bảng 1.

Để ước lượng mô hình 1 và 2, chúng tôi sử dụng kỹ thuật ước lượng với dữ liệu bảng. Kỹ thuật ước lượng cho dữ liệu bảng từ mô hình OLS đến các kỹ thuật ước lượng hiệu ứng cố định (FEM) và hiệu ứng ngẫu nhiên (REM) được chúng tôi lần lượt sử dụng.

Bảng 1: Biến và nguồn thu thập

Biến	Cách tính	Nguồn
Lenddepositspread	Chênh lệch lãi suất cho vay trung bình và lãi suất tiền gửi trung bình	Global Financial Development Database - Worldbank
Netinterestmargin	Chênh lệch thu nhập từ cho vay và chi phí trả lãi tiền gửi trên tổng tài sản của hệ thống ngân hàng	Global Financial Development Database – Worldbank
Lending	Lãi suất cho vay bình quân trên thị trường	World Development Indicator – Worldbank
Deposit	Lãi suất tiền gửi bình quân trên thị trường	World Development Indicator – Worldbank
Gdpgrowth	Tốc độ tăng trưởng GDP thực	Key Indicators reports – ADB
Loggdppc	Logarith thu nhập bình quân đầu người thực	Key Indicators reports – ADB
Loggdp	Logarith tổng thu nhập quốc gia thực	Key Indicators reports – ADB
Inflation	Lạm phát theo chỉ số CPI	Key Indicators reports – ADB
Bankzscore	Chỉ số Bank Z – score	Global Financial Development Database – Worldbank
Foreignbank	Chỉ số tỷ lệ hiện hữu của các ngân hàng nước ngoài trong hệ thống ngân hàng	Global Financial Development Database – Worldbank
Bankcon	Chỉ số HHI cho toàn bộ hệ thống ngân hàng	Global Financial Development Database – Worldbank

Bởi vì hạn chế của OLS trong ước lượng dữ liệu bảng với các hiện tượng bị chệch do phương sai thay đổi, tự tương quan hay nội sinh (Kiviet, 1995), do đó, ước lượng FEM và REM có thể được sử dụng để xử lý phương sai thay đổi (Ahn & Schmidt, 1995). Phần tiếp theo của bài viết trình bày dữ liệu nghiên cứu và các thống kê mô tả của dữ liệu.

2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Biểu đồ 1 thể hiện một số yếu tố vĩ mô và ngành ngân hàng tại các quốc gia Đông Nam Á được nghiên cứu.

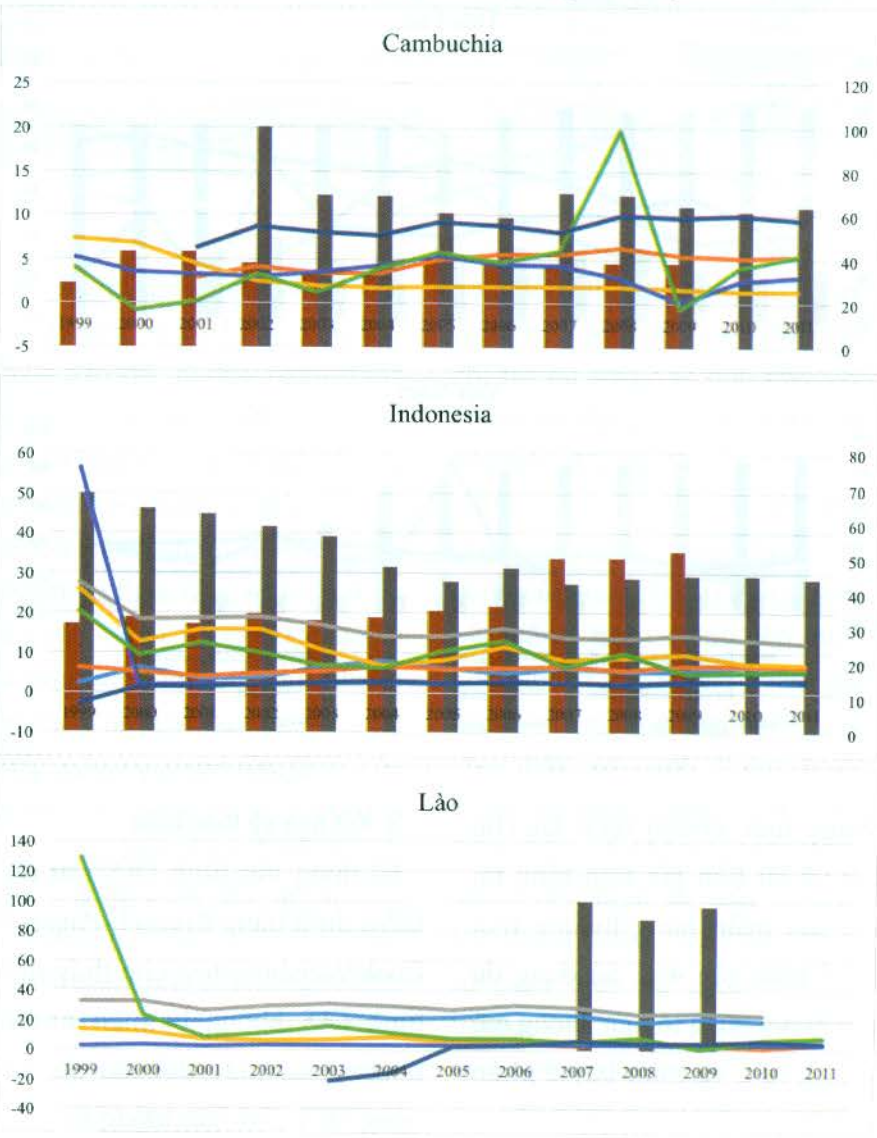
Biểu đồ cho thấy hệ thống ngân hàng tại các quốc gia có xu hướng cạnh tranh hơn vì hệ số tập trung giảm, trong khi đó, sự tham gia của các ngân hàng nước ngoài ngày càng tăng. Trong khi đó, các loại lãi suất có xu hướng biến động với nhiều xu hướng khác nhau trong giai đoạn 2008 - 2011 sau khi giảm trong giai đoạn trước đó. Mô tả dữ liệu được trình bày ở bảng 2.

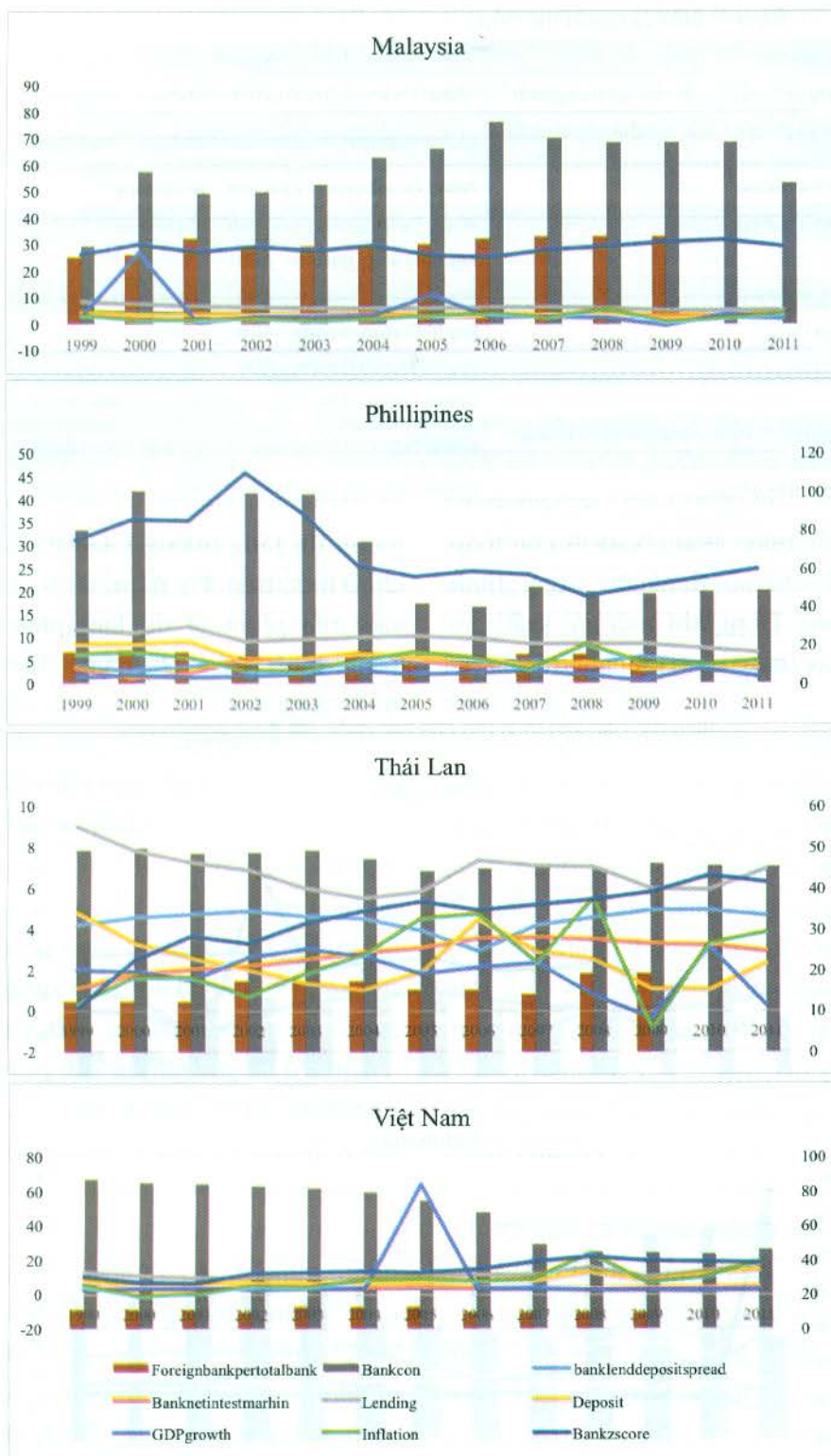
Mô tả dữ liệu cho thấy mặc dù tính cạnh tranh ngày càng tăng, nhưng sự cạnh tranh trong hệ thống ngân hàng thương mại ở

các nước Đông Nam Á còn thấp vì chỉ số Bankcon trung bình cao. Trong khi mức lãi suất cho vay trung bình rất cao (trên 12%/

năm), thì tăng trưởng GDP thực chỉ ở mức trên 4% năm, lãi suất cao một phần vì do lạm phát trung bình trên 6%/năm. Tuy

Biểu đồ: Các yếu tố vĩ mô của các quốc gia được nghiên cứu





Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

nhiên, mức chênh lệch lãi cho vay và lãi tiền gửi trên tổng tài sản của ngân hàng thương mại chỉ ở mức gần 4%. Sử dụng dữ liệu trên, chúng tôi ước lượng mô hình 1 và 2 và trình bày ở phần tiếp theo.

3. Kết quả và thảo luận

Sử dụng mô hình OLS sau đó kiểm định bằng Breusch-Pagan / Cook-Weisberg test cho thấy mô hình OLS không bị hiện tượng phương sai thay đổi, do đó, sử dụng OLS cho ước lượng là phù

hợp. (Bảng 3)

Hệ số ước lượng của các biến logarith GDP thực, logarith GDP trên đầu người thực âm và có ý nghĩa thống kê cho thấy những quốc gia lớn và có nền kinh tế phát triển có biên lãi suất thấp hơn, điều này phù hợp với kết luận của các nghiên cứu trước đây vì nền kinh tế phát triển hơn dẫn đến sự phát triển của hệ thống tài chính, các chi phí và rào cản trên thị trường giảm, do đó, các ngân hàng thương mại phải cạnh tranh hơn và biên lãi suất thấp hơn. Kết luận này đúng với cả hai trường hợp là biến chênh lệch trong lãi suất cho vay và tiền gửi, cũng như chênh lệch trong lãi từ cho vay và lãi tiền gửi trên tổng tài sản của ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế dường như không có tác động nhiều đến biên lãi suất của hệ thống ngân hàng khi hệ số ước lượng nhỏ và không có ý nghĩa thống kê.

Với lạm phát, lạm phát có tác động dương có ý nghĩa thống kê lên biên lợi nhuận (chênh lệch trong lãi cho vay và lãi tiền gửi trên tổng tài sản), nhưng lại có tác động âm mặc dù không có ý nghĩa thống kê lên chênh lệch trong lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại. Như vậy, mặc dù hệ số ước lượng nhỏ nhưng lạm phát có tác động đến thu nhập của ngân hàng thương mại khi giúp ngân hàng thương mại gia tăng các khoản thu lãi từ cho vay nhiều hơn lãi trả cho tiền gửi, điều này cũng dễ hiểu bởi trong điều kiện lạm phát cao hơn, người dân sẽ hạn chế gửi



Bảng 2: Mô tả thống kê các biến

Biến	N	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Lenddepositspread	77	6.825	6.492	1.925	25.000
Netinterestmargin	83	3.865	1.355	1.003	6.738
Lending	77	12.899	7.725	4.915	32.000
Deposit	90	5.604	4.084	1.000	25.738
Gdpgrowth	91	4.081	8.953	-0.662	64.180
Loggdppc	91	3.072	0.381	2.491	3.814
Loggdp	91	4.429	0.955	3.143	6.360
Inflation	91	6.989	13.799	-1.600	128.400
Bankzscore	85	12.817	12.300	-21.224	45.673
Foreignbank	66	24.242	12.092	9.000	52.000
Bankcon	77	60.472	17.487	29.249	100.000

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Bảng 3: Ước lượng mô hình 1

Biến phụ thuộc	Lenddepositspread			Netinterestmargin		
Mô hình	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Loggdp*	-0.530***			-0.392***		
Loggdppc		-1.210*			-1.413***	
Gdpgrowth			0.001			-0.003
Inflation	-0.005	-0.035	-0.001	0.074***	0.048*	0.079**
Bankzscore	-0.027**	-0.031**	-0.045***	0.007	0.015	-0.006
Foreignbank	0.012	0.036**	0.021	0.059***	0.071***	0.064***
Bankcon	0.001	-0.010	0.000	0.001	-0.017*	0.000
Constant	6.651***	8.548***	4.391***	3.685***	7.208***	2.061**
R2	0.449	0.308	0.266	0.526	0.527	0.455
R2 adj	0.391	0.236	0.189	0.484	0.485	0.406
F-stat	7.81***	4.27***	3.47***	12.44***	12.49***	9.33***
N	54	54	54	62	62	62
Breusch-Pagan / Cook-Weisberg test	3.64	1.68	0.05	0.42	1.37	1.62

Trong đó: *, **, *** tương ứng với mức ý nghĩa 10%, 5%, và 1%.

Nguồn: tính toán của tác giả.

tiền trong khi những đối tượng có nhu cầu vay vốn sẽ đi vay nhiều hơn do lãi suất thực thấp hơn nên thu nhập của ngân hàng có thể gia tăng.

Với các biến đại diện cho ngành ngân hàng, chúng tôi phát hiện thấy rằng hệ số Bank Z - score càng cao dẫn đến biên lãi suất giảm nhưng biên lợi nhuận lại tăng. Điều này hàm ý rằng những ngân hàng có rủi ro thấp hơn sẽ có biên lãi suất cao hơn nhưng lại kinh doanh hiệu quả hơn, bởi lẽ những ngân hàng ít rủi ro hơn sẽ có thể lựa chọn những khách hàng tốt hơn để cho vay và những người gửi tiền cũng an tâm hơn để gửi tiền mặc dù lãi suất tiền gửi có thể thấp

hơn, do đó, biên lãi suất sẽ cao hơn những ngân hàng còn lại. Trong khi đó, những ngân hàng có rủi ro cao hơn có thể phải trả lãi sao hơn cho người gửi tiền do đó biên lợi nhuận sẽ giảm.

Điều ngạc nhiên là chúng tôi phát hiện thấy rằng sự hiện diện của các ngân hàng nước ngoài lại giúp gia tăng biên lợi nhuận lẫn biên lãi suất của ngân hàng. Điều này có thể hiểu rằng các ngân hàng nước ngoài hiệu quả hơn trong hoạt động kinh doanh và có uy tín toàn cầu, do đó, khi sự tham gia của các ngân hàng nước ngoài nhiều hơn dẫn đến người dân an tâm hơn khi gửi tiền vào các ngân hàng này nên chấp nhận lãi suất tiền gửi thấp

hơn, đồng thời để nhận được các dịch vụ cao cấp hơn nên chịu chi trả lãi suất cao hơn cho các khoản tín dụng, vì vậy, cả hai chỉ tiêu trên đều gia tăng.

Cuối cùng, chúng tôi gần như không tìm thấy bằng chứng tác động của mức độ tập trung trong hệ thống ngân hàng lên biên lãi suất và biên lợi nhuận của hệ thống ngân hàng. Điều này cho thấy sự cạnh tranh trong hệ thống ngân hàng ở các nước Đông Nam Á không có tác động nhiều đến biên lãi suất và biên lợi nhuận, điều này cũng bởi vì sự hiện diện và sức mạnh thị trường lớn của các ngân hàng có vốn nhà nước lớn ở khu vực do đó, các ngân hàng còn lại dường

Bảng 4: Ước lượng mô hình 2

Lending	(7)	(8)
Deposit	0.857***	0.728***
Loggdp	-0.541***	
Loggdppc		-2.907***
Inflation	0.065*	0.049
Bankscore	-0.035***	-0.028**
Foreignbank	0.018	0.070***
Bankcon	0.011	-0.006
Constant	6.527***	14.065***
R2	0.950	0.949
R2 adj	0.944	0.942
F-stat/Wald chi2	150.12***	144.93***
N	54	54
Het test/ Haus test	1.26	2.86

Trong đó: *, **, *** tương ứng với mức ý nghĩa 10%, 5%, và 1%.

Nguồn: tính toán của tác giả

như phải xác lập lãi suất theo các ngân hàng lớn này.

Tiếp theo, chúng tôi ước lượng phương trình 2 và trình bày kết quả ở bảng 4.

Kết quả ước lượng mô hình 2 khẳng định lại các lập luận ở trên, đồng thời cho thấy: Các ngân hàng thương mại chủ yếu dựa vào biến động trong lãi suất tiền gửi để xác lập lãi suất cho vay, tuy nhiên, sự gia tăng trong lãi suất cho vay thấp hơn sự gia tăng trong lãi suất tiền gửi. Đồng thời những quốc gia lớn cũng có mức lãi suất cho vay thấp hơn, cùng với đó, lạm phát cao hơn dẫn đến lãi suất cho vay cao hơn, nhưng mức tăng trong lãi suất cho vay cũng thấp hơn nhiều so với mức tăng trong lạm phát. Tương tự như lập luận ở trên, những ngân hàng có rủi ro thấp hơn có mức lãi suất cho vay thấp hơn, trong khi sự diện diện nhiều hơn của ngân hàng nước ngoài làm lãi suất cho vay cao hơn còn mức độ tập trung của ngành ngân hàng dường như không có tác động đến lãi suất cho vay.

4. Kết luận

Thông qua ước lượng dữ liệu bảng cho hai mô hình, mô hình xác định các yếu tố tác động đến biên lãi suất và biên lợi nhuận, và mô hình xác định các yếu tố tác động đến lãi suất cho vay của ngân hàng tại các nước Đông Nam Á chúng tôi phát hiện thấy rằng:

Thứ nhất, tại các quốc gia lớn và phát triển, hệ thống ngân hàng có biên lãi suất, biên lợi nhuận và cả lãi suất cho vay thấp hơn những quốc gia còn lại. Trong khi đó, tăng trưởng kinh tế dường như không tác động đến cả biên lãi suất và biên lợi nhuận của hệ thống ngân hàng. Lạm phát làm giảm biên lãi suất, nhưng làm gia tăng biên lợi nhuận và lãi suất cho vay của hệ thống ngân hàng.

Thứ hai, về đặc điểm của hệ thống ngân hàng, những ngân hàng có rủi ro thấp hơn có khả năng giảm lãi suất cho vay nhiều hơn, đồng thời giảm biên lãi suất, nhưng lại có biên lợi nhuận cao hơn so với những ngân hàng

có rủi ro cao.

Thứ ba, sự tham gia nhiều hơn của các ngân hàng nước ngoài làm tăng biên lãi suất và cả biên lợi nhuận của hệ thống ngân hàng trong nước, tuy nhiên sự gia tăng biên lãi suất là không tốt cho nền kinh tế, còn sự gia tăng trong biên lợi nhuận sẽ tốt cho hệ thống ngân hàng, tuy nhiên, có thể sự gia tăng trong biên lợi nhuận xảy ra chủ yếu do các ngân hàng nước ngoài có biên lãi suất cao hơn nên điều này cần xem xét để tránh gây tổn hại cho hệ thống ngân hàng và cả nền kinh tế.

Cuối cùng, sự tập trung của hệ thống ngân hàng dường như không có tác động đến biên lãi suất, biên lợi nhuận và lãi suất cho vay của hệ thống ngân hàng, điều này chỉ ra rằng hiện tại mức tập trung là còn cao và sự thay đổi có thể là nhỏ nên chưa có tác động nhiều đến hoạt động kinh doanh của cả hệ thống. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Abdullah, M. N., Parvez, K., & Ayreen, S. (2014). Bank Specific, Industry Specific and Macroeconomic Determinants of Commercial Bank Profitability: A Case of Bangladesh. *World*, 4(3).
- Afanasieff, T. S., Lhacer, P. M., & Nakane, M. I. (2002). The determinants of bank interest spread in Brazil. *Money Affairs*, 15(2), 183-207.
- Ahn, S. C., & Schmidt, P. (1995). Efficient estimation of models for dynamic panel data. *Journal of econometrics*, 68(1), 5-27.
- Allen, L. (1988). The determinants of bank interest margins: a note. *Journal of Financial and Quantitative analysis*, 23(02), 231-235.
- Almarzoqi, R., & Naceur, M. S. B. (2015). Determinants of Bank Interest Margins in the Caucasus and Central Asia: *International Monetary Fund*.
- Almfraji, M. A., Almsafir, M. K., & Yao, L. (2014). Economic Growth and Foreign Direct Investment Inflows: The Case of Qatar. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 109(0), 1040-1045. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.sbspro.2013.12.586>
- Altman, E. I. (1984). The success of busi-

ness failure prediction models: An international survey. *Journal of Banking & Finance*, 8(2), 171-198.

Altman, E. I. (2000). Predicting financial distress of companies: revisiting the Z-score and ZETA models. *Stern School of Business, New York University*, 9-12.

Anghazo, L. (1997). Commercial bank net interest margins, default risk, interest-rate risk, and off-balance sheet banking. *Journal of Banking & Finance*, 21(1), 55-87. doi: [http://dx.doi.org/10.1016/S0378-4266\(96\)00025-8](http://dx.doi.org/10.1016/S0378-4266(96)00025-8)

Arestis, P., & Demetriades, P. (1997). Financial development and economic growth: Assessing the evidence*. *The Economic Journal*, 107(442), 783-799.

Blundell-Wignall, A., Atkinson, P. E., & Lee, S. H. (2008). The current financial crisis: Causes and policy issues: OECD.

Carbó Valverde, S., & Rodríguez Fernández, F. (2007). The determinants of bank margins in European banking. *Journal of Banking & Finance*, 31(7), 2043-2063. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.jbankfin.2006.06.017>

Claeys, S., & Vander Venet, R. (2008). Determinants of bank interest margins in Central and Eastern Europe: A comparison with the West. *Economic Systems*, 32(2), 197-216. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.ecosys.2007.04.001>

De Gregorio, J., & Guidotti, P. E. (1995). Financial development and economic growth. *World Development*, 23(3), 433-448.

Demergüç-Kunt, A., & Huizinga, H. (2001). Financial structure and bank profitability in financial structure and economic growth: a cross-country comparison of banks, markets, and development. Cambridge, MA: MIT Press.

Demirgüç-Kunt, A., & Huizinga, H. (1999). Determinants of commercial bank interest margins and profitability: some international evidence. *The World Bank Economic Review*, 13(2), 379-408.

Donovan, P. J., & Batabyal, A. A. (2015). On economic growth and investment income taxation in a creative region. *International Review of Economics & Finance*, 38(0), 67-72. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.iref.2015.01.002>

Drakos, K. (2003). Assessing the success of reform in transition banking 10 years later: an interest margins analysis. *Journal of Policy Modeling*, 25(3), 309-317. doi: [http://dx.doi.org/10.1016/S0161-8938\(03\)00027-9](http://dx.doi.org/10.1016/S0161-8938(03)00027-9)

Dumičić, M., & Ridzak, T. (2012). Determinants of Banks' Net Interest Margins in the CEE. HNB, Zagreb.

Entrop, O., Memmel, C., Ruprecht, B., & Wilkens, M. (2015). Determinants of bank interest margins: Impact of maturity transformation. *Journal of Banking & Finance*, 54(0), 1-19. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.jbankfin.2014.12.001>

Fungáčová, Z., & Poghosyan, T. (2011). Determinants of bank interest margins in Russia: Does bank ownership matter? *Eco-*

nomic Systems, 35(4), 481-495. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.ecosys.2010.11.007>

Gambacorta, L., & Mistrulli, P. E. (2014). Bank heterogeneity and interest rate setting: what lessons have we learned since Lehman Brothers? *Journal of Money, Credit and Banking*, 46(4), 753-778.

Gelos, G. (2006). Banking Spreads in Latin America.

Gilligan, T., Smirlock, M., & Marshall, W. (1984). Scale and scope economies in the multi-product banking firm. *Journal of Monetary Economics*, 13(3), 393-405. doi: [http://dx.doi.org/10.1016/0304-3932\(84\)90041-2](http://dx.doi.org/10.1016/0304-3932(84)90041-2)

Gilligan, T. W., & Smirlock, M. L. (1984). An empirical study of joint production and scale economies in commercial banking. *Journal of Banking & Finance*, 8(1), 67-77. doi: [http://dx.doi.org/10.1016/S0378-4266\(84\)80025-4](http://dx.doi.org/10.1016/S0378-4266(84)80025-4)

Goddard, J., Molyneux, P., & Wilson, J. O. (2004). The profitability of European banks: a cross-sectional and dynamic panel analysis. *The Manchester School*, 72(3), 363-381.

Guru, B. K., Staunton, J., & Balashanmugam, B. (2002). Determinants of commercial bank profitability in Malaysia. *Journal of Money, Credit, and Banking*, 17, 69-82.

Hainz, C., Horváth, R., & Hlaváček, M. (2014). The interest rate spreads in the Czech Republic: Different loans, different determinants? *Economic Systems*, 38(1), 43-54. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.ecosys.2013.10.002>

Ho, T. S., & Saunders, A. (1981). The determinants of bank interest margins: theory and empirical evidence. *Journal of Financial and Quantitative analysis*, 16(04), 581-600.

Ivashina, V., & Scharfstein, D. (2010). Bank lending during the financial crisis of 2008. *Journal of Financial economics*, 97(3), 319-338.

Jamaludin, M. F., Klyuev, M. V., & Serechetapongse, A. (2015). What Drives Interest Rate Spreads in Pacific Island Countries? An Empirical Investigation: International Monetary Fund.

Kiviet, J. F. (1995). On bias, inconsistency, and efficiency of various estimators in dynamic panel data models. *Journal of econometrics*, 68(1), 53-78.

Lerohim, S. N. F., Affandi, S., Mahmood, W., & Mansor, W. (2014). Financial Development and Economic Growth in ASEAN: Evidence from Panel Data.

Levine, R. (1997). Financial development and economic growth: views and agenda. *Journal of Economic Literature*, 688-726.

Miller, S. M., & Noulas, A. G. (1997). Portfolio mix and large-bank profitability in the USA. *Applied Economics*, 29(4), 505-512.

Molyneux, P., & Thornton, J. (1992). Determinants of European bank profitability: A note. *Journal of Banking & Finance*, 16(6), 1173-1178.

Muro, K. (2013). A note on the three-sector Cobb-Douglas GDP function. *Economic Modelling*, 31(0), 18-21. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.econmod.2012.11.008>

Ouyang, P., & Fu, S. (2012). Economic growth, local industrial development and inter-regional spillovers from foreign direct investment: Evidence from China. *China Economic Review*, 23(2), 445-460. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.chieco.2012.03.005>

Pavelescu, F. M. (2014). Methodological Considerations Regarding the Estimated Returns to Scale in Case of Cobb-douglas Production Function. *Procedia Economics and Finance*, 8(0), 535-542. doi: [http://dx.doi.org/10.1016/S2212-5671\(14\)00125-7](http://dx.doi.org/10.1016/S2212-5671(14)00125-7)

Pradhan, R. P., Arvin, M. B., Hall, J. H., & Bahmani, S. (2014). Causal nexus between economic growth, banking sector development, stock market development, and other macroeconomic variables: The case of ASEAN countries. *Review of Financial Economics*, 23(4), 155-173.

Ruthenberg, D., & Elias, R. (1996). Cost economies and interest rate margins in a unified European banking market. *Journal of Economics and Business*, 48(3), 231-249. doi: [http://dx.doi.org/10.1016/0148-6195\(96\)00011-2](http://dx.doi.org/10.1016/0148-6195(96)00011-2)

Saunders, A., & Schumacher, L. (2000). The determinants of bank interest rate margins: an international study. *Journal of International Money and Finance*, 19(6), 813-832. doi: [http://dx.doi.org/10.1016/S0261-5606\(00\)00033-4](http://dx.doi.org/10.1016/S0261-5606(00)00033-4)

Tarus, D. K., Chekol, Y. B., & Mutwol, M. (2012). Determinants of Net Interest Margins of Commercial Banks in Kenya: A Panel Study. *Procedia Economics and Finance*, 2(0), 199-208. doi: [http://dx.doi.org/10.1016/S2212-5671\(12\)00080-9](http://dx.doi.org/10.1016/S2212-5671(12)00080-9)

Tekin, R. B. (2012). Economic growth, exports and foreign direct investment in Least Developed Countries: A panel Granger causality analysis. *Economic Modelling*, 29(3), 868-878. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.econmod.2011.10.013>

Tu, T. T. T., Loi, H. H., & Yen, T. T. H. (2015). Relationship between Gender Diversity on Boards and Firm's Performance-Case Study about ASEAN Banking Sector. *International Journal of Financial Research*, 6(2), p150.

Vilcu, G. E. (2011). A geometric perspective on the generalized Cobb-Douglas production functions. *Applied Mathematics Letters*, 24(5), 777-783. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.aml.2010.12.038>

Yuan, C., Liu, S., & Wu, J. (2009). Research on energy-saving effect of technological progress based on Cobb-Douglas production function. *Energy Policy*, 37(8), 2842-2846. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.enpol.2009.04.025>

Zhang, X., Wu, L., Zhang, R., Deng, S., Zhang, Y., Wu, J.,... Wang, L. (2013). Evaluating the relationships among economic growth, energy consumption, air emissions and air environmental protection investment in China. *Renewable and Sustainable Energy Reviews*, 18(0), 259-270. doi: <http://dx.doi.org/10.1016/j.rser.2012.10.029>